

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2022/HS-ST

Ngày: 13-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Nguyễn Ngọc Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc T, sinh ngày 26/01/1977 tại T1; Nơi cư trú: Số nhà 07, ngõ 197, đường L, tổ 13, phường K, thành phố T1, tỉnh T1; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn T2 (đã chết) (ông T2 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba) và bà Trần Thị N; Có vợ là Nguyễn Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 140/2007/HSST ngày 08/10/2007 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T1 xử phạt Phạm Ngọc T 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Bản án số 156/2018/HS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T1 xử phạt Phạm Ngọc T 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Quyết định đưa người vào cơ sở giáo dục số 148/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1 đưa Phạm Ngọc T vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng do nhiều lần trộm cắp tài sản.

Bị tạm giữ từ ngày 26/4/2022 đến ngày 29/4/2022 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

- *Người chứng kiến:*

+ Anh Bùi Đình T3, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ngõ 283, đường T4, tổ 11, phường T4, thành phố T1, tỉnh T1.

+ Anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L1, huyện K1, tỉnh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 26/4/2022, Phạm Ngọc T đi bộ từ nhà đến khu vực đường T4, tổ 14, phường T4, thành phố T1, tỉnh T1, mục đích mua ma túy sử dụng cho bản thân. Tại đây, T gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 30 tuổi, không biết tên và địa chỉ 200.000 đồng được 01 gói ma túy, loại Hêrôin. T cất gói ma túy vào trong túi quần sau bên phải đang mặc, đi tìm nơi để sử dụng. Khi T đi đến khu vực trước cửa số nhà 375, đường L2, tổ 14, phường K, thành phố T1, tỉnh T1 thì bị tổ công tác Công an thành phố Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Trước sự chứng kiến của anh Bùi Đình T3 và anh Nguyễn Xuân H1, T tự giác lấy từ túi quần phía sau bên phải của T ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói, bên ngoài được gói bằng giấy trắng kim màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục. T khai là Hêrôin của T vừa mua để sử dụng cho bản thân, kiểm tra người T không phát hiện thu giữ gì. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bản kết luận giám định số 139/KL-KTHS(MT) ngày 27/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu vật quản lý của Phạm Ngọc T gửi giám định là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có khối lượng 0,1801 gam (*không thấy một nghìn tám trăm linh một gam*).

Bản Cáo trạng số 84/CT-VKSTPTB ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Phạm Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì bên ngoài ghi số 139/KL-KTHS(MT) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Phạm Ngọc T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 11 giờ 30 phút ngày 26/4/2022, tại khu vực trước cửa số nhà 375, đường L2, tổ 14, phường K, thành phố T1, tỉnh T1, Phạm Ngọc T đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại Hêrôin, có khối lượng 0,1801 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

Hành vi của Phạm Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, ma túy là loại chất gây nghiện gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, là nguyên nhân phá hoại hạnh phúc của bao gia đình và còn phát sinh các tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Bản thân bị cáo là người đã thành niên, đã nhiều lần bị xử phạt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với bị cáo Phạm Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có bố đề được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có công việc ổn định, không có tài sản, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Số ma túy thu giữ của bị cáo Phạm Ngọc T còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Phạm Ngọc T khai mua ma túy của một người phụ nữ khoảng 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ tại khu vực đường T4,

phường T4, thành phố T1, tỉnh T1 nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 50 Bộ luật Hình sự, Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 26/4/2022).

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Phạm Ngọc T hoàn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì, bên ngoài ghi số 139/KL-KTHS(MT) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

(Vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/6/2022).

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 13/7/2022.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- CQCSĐT Công an TP. Thái Bình;
- CQTHAHS Công an TP. Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý